

MỤC 1: Định dạng

1.1. Thông tin nhận dạng sản phẩm theo GHS

Hình thức sản phẩm : Hỗn hợp
Tên sản phẩm : Tristel Pre-Clean Wipe

1.2. Các phương tiện xác nhận khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

1.3. Sử dụng được khuyến nghị hóa chất và các hạn chế khi sử dụng

Hạn chế sử dụng : Khác

1.4. thông tin nhà cung cấp

Nhà sản xuất

Tristel Solutions Limited
Unit 1B, Lynx Business Park
Fordham Road, Snailwell,
Cambridgeshire
CB8 7NY
United Kingdom
T +44 (0) 1638 721500

1.5. Số gọi trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp : Trung tâm Kiểm soát Độc chất – Bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội) Điện thoại: +84 869 587 705

MỤC 2: nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại chất hay hỗn hợp chất

Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc

Không phân loại
Tác dụng hóa lý có hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường : Theo hiểu biết của chúng tôi, sản phẩm trên không gây nguy cơ nào đặc biệt, với điều kiện được sử dụng theo các quy tắc chung về an toàn công nghiệp

2.2. Yếu tố dán nhãn GHS, bao gồm các khuyến nghị cảnh giác

Dán nhãn theo GHS Liên Hiệp Quốc

Không ghi nhãn

2.3. Nguy cơ khác không dẫn đến việc phải phân loại

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 3: Thành phần/thông tin về thành phần

3.1. Chất

Không áp dụng được

3.2. Hỗn hợp

Hỗn hợp này không chứa bất cứ chất nào cần được nhắc tới theo các quy định hiện hành

MỤC 4: Sơ cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sơ cứu tổng quát : Nếu bạn cảm thấy không khỏe, hãy đi khám bác sĩ.

Tristel Pre-Clean Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

Sơ cứu trong trường hợp hít phải	: Đưa người liên quan ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế dễ thở.
Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da	: Rửa da lại với nhiều nước.
Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt	: Rửa mắt với nước nhằm phòng tránh mọi rủi ro.
Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải	: Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
Tự bảo vệ của người sơ cứu	: Các nhân viên sơ cứu sẽ được trang bị thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

4.2. Triệu chứng và tác động chính (nghiêm trọng và trì hoãn)

Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải	: Không có nếu được sử dụng tại điều kiện thông thường.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da	: Có thể gây kích ứng nhẹ.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt	: Có thể gây kích ứng nhẹ.
Triệu chứng/tác dụng sau khi nuốt phải	: Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa.

4.3. Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

Điều trị triệu chứng.

MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

5.1. Biện pháp dập lửa thích hợp

Chất chữa cháy thích hợp : Nước phun. Bột khô. Bột. Khí carbon dioxide.

5.2. Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn : Có thể giải phóng khói độc.

5.3. Biện pháp bảo vệ đặc biệt đối với nhân viên cứu hỏa

Biện pháp bảo hộ khi có hỏa hoạn : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Thiết bị thở độc lập
Bộ quần áo bảo hộ đầy đủ.

MỤC 6: Biện pháp cần áp dụng trong trường hợp có vương đổ

6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

Biện pháp cấp cứu : Thông gió khu vực có sản phẩm vương đổ.

6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

Thiết bị bảo hộ : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".

6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Sản phẩm này được coi là không gây hại cho các sinh vật thủy sinh và không gây ra bất kỳ tác động tiêu cực lâu dài nào đối với môi

6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

Quy trình làm sạch : Thu hồi chất lỏng bị đổ bằng các chất thấm hút.
Các thông tin khác : Tiêu hủy các vật liệu hoặc cặn rắn tại cơ sở được cấp phép.

MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

7.1. Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân.
Biện pháp vệ sinh : Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên. Rửa tay sau mỗi lần thao tác.

7.2. Điều kiện cần để đảm bảo an toàn lưu trữ, bao gồm cả khả năng không tương hợp

Điều kiện lưu trữ : Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Bảo quản lạnh.
Nhiệt độ lưu trữ : 10 – 35 °C

Tristel Pre-Clean Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1. các thông số kiểm soát

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.2. Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.
Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường : Tránh thải ra môi trường.

8.3. Biện pháp bảo hộ cá nhân/Thiết bị bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ - lựa chọn vật liệu :
Bảo vệ tay : Tránh tiếp xúc với da.
Bảo vệ mắt : Tránh để dính vào mắt.
Bảo vệ da và cơ thể :
Bảo vệ đường hô hấp : Đảm bảo khu vực này được thông gió đầy đủ trong quá trình sử dụng.

8.4. Giới hạn phơi nhiễm của các thành phần khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 9: đặc tính lý, hóa của hóa chất

9.1. Tính chất lý hóa cơ bản

Trạng thái vật lý : Chất lỏng
Hình dạng : Khăn lau tẩm chất
Màu sắc : màu trắng
Mùi đặc trưng : Không có
Ngưỡng ng mùi : Không có
Điểm nóng chảy : Không áp dụng được
Điểm đông đặc : Không có
Điểm sôi : Không có
Tính dễ bắt lửa : Không bắt lửa
Giới hạn nổ dưới : Không có
Giới hạn nổ trên : Không có
Điểm cháy : Không có
Nhiệt độ tự cháy : Không có
Nhiệt độ phân hủy : Không có
pH : 4.5-5.5
dung dịch pH : Không có
Độ nhớt, động học (calculated value) (40 °C) : Không có
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Kow) : Không có
Áp suất hóa hơi : Không có
Áp suất hơi ở 50°C : Không có
Mật độ : Không có
Mật độ tương đối : Không có
Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C : Không có
Độ hòa tan : Không có
Kích thước hạt : Không áp dụng được

9.2. Dữ liệu liên quan đến các nhóm nguy hại về mặt vật lý (bổ sung)

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 10: mức ổn định và phản ứng của hóa chất

10.1. Phản ứng

Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường.

Tristel Pre-Clean Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

10.2. Tính ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

10.3. Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm

Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.

10.4. Điều kiện cần tránh

Không có trong điều kiện kho trữ và thao tác khuyến cáo (xem mục 7).

10.5. Chất không tương hợp

Hiện chưa có thông tin bổ sung

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Không bắt cứ sản phẩm phân hủy mang tính chất nguy hiểm nào được bảo quản hoặc sử dụng trong điều kiện thường.

MỤC 11: Thông tin về độ độc

11.1. Thông tin về các tác dụng gây độc

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	: Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua da)	: Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp)	: Không phân loại
Ăn mòn da/kích ứng da	: Không phân loại pH: 4.5-5.5
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	: Không phân loại pH: 4.5-5.5
Kích ứng hô hấp và da	: Không phân loại
Tính gây đột biến trên các tế bào mầm	: Không phân loại
Khả năng gây ung thư	: Không phân loại
Mức độc tính trên khả năng sinh sản	: Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần)	: Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại)	: Không phân loại
Nguy cơ khi hít phải	: Không phân loại

MỤC 12: Thông tin sinh thái

12.1. Độ độc tính

Sinh thái - tổng quát	: Sản phẩm này được coi là không gây hại cho các sinh vật thủy sinh và không gây ra bất kỳ tác động tiêu cực lâu dài nào đối với môi
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp)	: Không phân loại
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn)	: Không phân loại

12.2. tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Tristel Pre-Clean Wipe	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không phân hủy nhanh

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

Tristel Pre-Clean Wipe	
Khả năng tích lũy sinh học	Hiện chưa có thông tin bổ sung

Tristel Pre-Clean Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

12.4. Tính lưu động dưới đất

Tristel Pre-Clean Wipe	
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.5. Các tác dụng có hại khác

Ozon	: Không phân loại
Các tác dụng có hại khác	: Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 13: Được xem như dành cho cho xử lý phân hủy

13.1. Quy trình tiêu hủy

Quy định vùng về chất thải	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Phương pháp xử lý chất thải	: Tiêu hủy sản phẩm/bình chứa theo đúng hướng dẫn phân loại của bên xử lý được công nhận.
Khuyến cáo cho việc xử lý nước thải	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Thông tin bổ sung	: Không sử dụng lại các bình chứa rỗng.

MỤC 14: Thông tin việc vận chuyển

Phù hợp với UN RTDG / IMDG / IATA

UN RTDG	IMDG	IATA
14.1. Số hiệu UN		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.2. Tên mã UN		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.3. Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.4. Phân nhóm đóng gói		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.5. Nguy cơ môi trường		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
Không có thông tin bổ sung		

14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

UN RTDG
Không áp dụng được

IMDG
Không áp dụng được

IATA
Không áp dụng được

14.7. Vận chuyển xô theo các văn kiện của IMO (Tổ chức Hàng hải Quốc tế)

Không áp dụng được

Tristel Pre-Clean Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

MỤC 15: Thông tin hợp pháp

15.1. Quy định/pháp chế chuyên biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với các chất hay hỗn hợp chất

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 16: Các thông tin khác

Ngày phát hành : 14/05/2026

Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), UN (Liên Hợp Quốc)

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kì đảm bảo nào cho bất kì đặc tính nào của sản phẩm.

MỤC 1: Định dạng

1.1. Thông tin nhận dạng sản phẩm theo GHS

Hình thức sản phẩm : Hỗn hợp
Tên sản phẩm : Tristel Activator Foam Pump Solution

1.2. Các phương tiện xác nhận khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

1.3. Sử dụng được khuyến nghị hóa chất và các hạn chế khi sử dụng

Hạn chế sử dụng : Khác

1.4. thông tin nhà cung cấp

Nhà sản xuất

Tristel Solutions Limited Unit
1B, Lynx Business Park
Fordham Road, Snailwell,
Cambridgeshire
CB8 7NY
United Kingdom
T +44 (0) 1638 721500

1.5. Số gọi trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp : Trung tâm Kiểm soát Độc chất – Bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội) Điện thoại: +84 869 587 705

MỤC 2: nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại chất hay hỗn hợp chất

Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc

Không phân loại
Tác dụng hóa lý có hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường : Theo hiểu biết của chúng tôi, sản phẩm trên không gây nguy cơ nào đặc biệt, với điều kiện được sử dụng theo các quy tắc chung về an toàn công nghiệp

2.2. Yếu tố dán nhãn GHS, bao gồm các khuyến nghị cảnh giác

Dán nhãn theo GHS Liên Hiệp Quốc

Không ghi nhãn

2.3. Nguy cơ khác không dẫn đến việc phải phân loại

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 3: Thành phần/thông tin về thành phần

3.1. Chất

Không áp dụng được

Tristel Activator Foam Pump Solution

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

3.2. Hỗn hợp

Tên	Nhận dạng sản phẩm	%	Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc
NATRI CLORIT 100%	Số CAS: 7758-19-2	< 1	Ox. Sol. 1, H271 Acute Tox. 3 (Oral), H301 Acute Tox. 2 (Dermal), H310 Skin Corr. 1B, H314 Eye Dam. 1, H318 STOT RE 2, H373 Aquatic Acute 1, H400 Aquatic Chronic 3, H412

Văn bản các câu H: tham khảo mục 16

MỤC 4: Sơ cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

- Sơ cứu tổng quát
- Sơ cứu trong trường hợp hít phải
- Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da
- Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt
- Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải
- Tự bảo vệ của người sơ cứu
- : Nếu bạn cảm thấy không khỏe, hãy đi khám bác sĩ.
- : Đưa người liên quan ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế dễ thở.
- : Rửa da lại với nhiều nước.
- : Rửa mắt với nước nhằm phòng tránh mọi rủi ro.
- : Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
- : Các nhân viên sơ cứu sẽ được trang bị thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

4.2. Triệu chứng và tác động chính (nghiêm trọng và trì hoãn)

- Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải
- Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da
- Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt
- Triệu chứng/tác dụng sau khi nuốt phải
- : Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
- : Có thể gây kích ứng nhẹ.
- : Có thể gây kích ứng nhẹ.
- : Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa.

4.3. Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

Điều trị triệu chứng.

MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

5.1. Biện pháp dập lửa thích hợp

- Chất chữa cháy thích hợp
- : Nước phun. Bột khô. Bột. Khí carbon dioxide.

5.2. Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất

- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn
- : Có thể giải phóng khói độc.

5.3. Biện pháp bảo vệ đặc biệt đối với nhân viên cứu hỏa

- Biện pháp bảo hộ khi có hỏa hoạn
- : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Thiết bị thở độc lập.
Bộ quần áo bảo hộ đầy đủ.

MỤC 6: Biện pháp cần áp dụng trong trường hợp có vương đổ

6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

- Biện pháp cấp cứu
- : Thông gió khu vực có sản phẩm vương đổ.

6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

- Thiết bị bảo hộ
- : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".

Tristel Activator Foam Pump Solution

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Sản phẩm này không gây hại cho các sinh vật thủy sinh và không gây ra bất kỳ tác động tiêu cực lâu dài nào đối với môi trường.

6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

- Quy trình làm sạch : Thu hồi chất lỏng bị đổ bằng các chất thấm hút.
- Các thông tin khác : Tiêu hủy các vật liệu hoặc cặn rắn tại cơ sở được cấp phép.

MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

7.1. Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

- Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân.
- Biện pháp vệ sinh : Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên. Rửa tay sau mỗi lần thao tác.

7.2. Điều kiện cần để đảm bảo an toàn lưu trữ, bao gồm cả khả năng không tương hợp

- Điều kiện lưu trữ : Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Bảo quản lạnh.
- Nhiệt độ lưu trữ : 10 – 35 °C

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1. các thông số kiểm soát

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.2. Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

- Kiểm tra kỹ thuật theo quy định : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.
- Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường : Tránh thải ra môi trường.

8.3. Biện pháp bảo hộ cá nhân/Thiết bị bảo hộ cá nhân

- Quần áo bảo hộ - lựa chọn vật liệu :
- Bảo vệ tay : Tránh tiếp xúc với da.
- Bảo vệ mắt : Tránh để dính vào mắt.
- Bảo vệ đường hô hấp : Đảm bảo khu vực này được thông gió đầy đủ trong quá trình sử dụng.

8.4. Giới hạn phơi nhiễm của các thành phần khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 9: đặc tính lý, hóa của hóa chất

9.1. Tính chất lý hóa cơ bản

- Trạng thái vật lý : Chất lỏng
- Màu sắc : Không màu.
- Mùi đặc trưng : đặc điểm.
- Ngưỡng mùi : Không có
- Điểm nóng chảy : Không áp dụng được
- Điểm đông đặc : Không có
- Điểm sôi : Không có
- Tính dễ bắt lửa : Không bắt lửa
- Giới hạn nổ dưới : Không có
- Giới hạn nổ trên : Không có
- Điểm cháy : Không có
- Nhiệt độ tự cháy : Không có
- Nhiệt độ phân hủy : Không có
- pH : 10 - 11.5

Tristel Activator Foam Pump Solution

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

dung dịch pH	: Không có
Độ nhớt, động học (calculated value) (40 °C)	: Không có
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Kow)	: Không có
Áp suất hóa hơi	: Không có
Áp suất hơi ở 50°C	: Không có
Mật độ	: Không có
Mật độ tương đối	: 1.000 - 1.010
Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C	: Không có
Độ hòa tan	: Không có
Kích thước hạt	: Không áp dụng được

9.2. Dữ liệu liên quan đến các nhóm nguy hại về mặt vật lý (bổ sung)

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 10: mức ổn định và phản ứng của hóa chất

10.1. Phản ứng

Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường.

10.2. Tính ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

10.3. Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm

Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.

10.4. Điều kiện cần tránh

Không có trong điều kiện kho trữ và thao tác khuyến cáo (xem mục 7).

10.5. Chất không tương hợp

Hiện chưa có thông tin bổ sung

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Không bắt cứ sản phẩm phân hủy mang tính chất nguy hiểm nào được bảo quản hoặc sử dụng trong điều kiện thường.

MỤC 11: Thông tin về độ độc

11.1. Thông tin về các tác dụng gây độc

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	: Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua da)	: Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp)	: Không phân loại
Ăn mòn da/kích ứng da	: Không phân loại pH: 10 - 11.5
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	: Không phân loại pH: 10 - 11.5
Kích ứng hô hấp và da	: Không phân loại
Tính gây đột biến trên các tế bào mầm	: Không phân loại
Khả năng gây ung thư	: Không phân loại

NATRI CLORIT 100% (7758-19-2)

Cơ quan IARC	3 - Không thể phân loại
--------------	-------------------------

Mức độc tính trên khả năng sinh sản	: Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần)	: Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại)	: Không phân loại

Tristel Activator Foam Pump Solution

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

NATRI CLORIT 100% (7758-19-2)	
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại)	Có thể gây tổn thương cơ quan qua phơi nhiễm lặp lại hoặc kéo dài.
Nguy cơ khi hít phải	: Không phân loại

MỤC 12: Thông tin sinh thái

12.1. Độ độc tính

Sinh thái - tổng quát	: Sản phẩm này được coi là không gây hại cho các sinh vật thủy sinh và không gây ra bất kỳ tác động tiêu cực lâu dài nào đối với môi trường.
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp)	: Không phân loại
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn)	: Không phân loại

NATRI CLORIT 100% (7758-19-2)	
LC50 - Cá [1]	265 – 310 mg/l
EC50 - Các sinh vật thủy sinh [1]	0,29 mg/l

12.2. tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Tristel Activator Foam Pump Solution	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Khả năng phân hủy sinh học trong nước: không có dữ liệu.
NATRI CLORIT 100% (7758-19-2)	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Khả năng phân hủy sinh học trong nước: không có dữ liệu.

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

Tristel Activator Foam Pump Solution	
Khả năng tích lũy sinh học	Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.4. Tính lưu động dưới đất

Tristel Activator Foam Pump Solution	
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.5. Các tác dụng có hại khác

Ozon	: Không phân loại
Các tác dụng có hại khác	: Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 13: Được xem như dành cho cho xử lý phân hủy

13.1. Quy trình tiêu hủy

Quy định vùng về chất thải	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Phương pháp xử lý chất thải	: Tiêu hủy sản phẩm/bình chứa theo đúng hướng dẫn phân loại của bên xử lý được công nhận.
Khuyến cáo cho việc xử lý nước thải	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Thông tin bổ sung	: Không sử dụng lại các bình chứa rỗng.

MỤC 14: Thông tin việc vận chuyển

Phù hợp với UN RTDG / IMDG / IATA

Tristel Activator Foam Pump Solution

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

UN RTDG	IMDG	IATA
14.1. Số hiệu UN		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.2. Tên mã UN		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.3. Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.4. Phân nhóm đóng gói		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.5. Nguy cơ môi trường		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
Không có thông tin bổ sung		

14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

UN RTDG

Không áp dụng được

IMDG

Không áp dụng được

IATA

Không áp dụng được

14.7. Vận chuyển xô theo các văn kiện của IMO (Tổ chức Hàng hải Quốc tế)

Không áp dụng được

MỤC 15: Thông tin hợp pháp

15.1. Quy định/pháp chế chuyên biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với các chất hay hỗn hợp chất

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 16: Các thông tin khác

Ngày phát hành : 14/05/2026

Bản đầy đủ của các câu H:	
Acute Tox. 2 (Dermal)	Độc tính cấp tính (da), Nhóm 2
Acute Tox. 3 (Oral)	Độc tính cấp tính (miệng), Nhóm 3
Aquatic Acute 1	Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm cấp tính, Nhóm 1
Aquatic Chronic 3	Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm mãn tính, Nhóm 3
Eye Dam. 1	Tổn hại mắt/kích ứng mắt nghiêm trọng, Nhóm 1
Ox. Sol. 1	Chất rắn oxy hóa, Nhóm 1
Skin Corr. 1B	Ăn mòn/kích ứng da, Nhóm 1B
STOT RE 2	Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể – Phơi nhiễm nhiều lần, Nhóm 2
H271	Có thể gây hỏa hoạn hoặc nổ; chất gây cháy mạnh
H301	Gây độc nếu nuốt phải

Tristel Activator Foam Pump Solution

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

Bản đầy đủ của các câu H:	
H310	Gây tử vong nếu có tiếp xúc qua da
H314	Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng
H318	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng
H373	Có thể gây tổn thương cơ quan qua phơi nhiễm lặp lại hoặc kéo dài
H400	Gây độc mạnh cho các sinh vật thủy sinh
H412	Gây hại cho các sinh vật thủy sinh, gây ra tác hại về lâu dài

Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), UN (Liên Hợp Quốc)

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kì đảm bảo nào cho bất kì đặc tính nào của sản phẩm.

MỤC 1: Định dạng

1.1. Thông tin nhận dạng sản phẩm theo GHS

Hình thức sản phẩm : Hỗn hợp
Tên sản phẩm : Tristel Sporidical Wipe

1.2. Các phương tiện xác nhận khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

1.3. Sử dụng được khuyến nghị hóa chất và các hạn chế khi sử dụng

Hạn chế sử dụng : Khác

1.4. thông tin nhà cung cấp

Nhà sản xuất

Tristel Solutions Limited
Unit 1B, Lynx Business Park
Fordham Road, Snailwell
Cambridgeshire
CB8 7NY
United Kingdom
T +44 (0) 1638 721500

1.5. Số gọi trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp : Trung tâm Kiểm soát Độc chất – Bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội) Điện thoại: +84 869 587 705

MỤC 2: nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại chất hay hỗn hợp chất

Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc

Không phân loại
Tác dụng hóa lý có hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường : Theo hiểu biết của chúng tôi, sản phẩm trên không gây nguy cơ nào đặc biệt, với điều kiện được sử dụng theo các quy tắc chung về an toàn công nghiệp

2.2. Yếu tố dán nhãn GHS, bao gồm các khuyến nghị cảnh giác

Dán nhãn theo GHS Liên Hiệp Quốc

Không ghi nhãn

2.3. Nguy cơ khác không dẫn đến việc phải phân loại

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 3: Thành phần/thông tin về thành phần

3.1. Chất

Không áp dụng được

3.2. Hỗn hợp

Hỗn hợp này không chứa bất cứ chất nào cần được nhắc tới theo các quy định hiện hành

Tristel Sporicidal Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

MỤC 4: Sơ cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

- | | |
|---|--|
| Sơ cứu tổng quát | : Nếu bạn cảm thấy không khỏe, hãy đi khám bác sĩ. |
| Sơ cứu trong trường hợp hít phải | : Đưa người liên quan ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế dễ thở. |
| Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da | : Rửa da lại với nhiều nước. |
| Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt | : Rửa mắt với nước nhà m phòng tranh mọ i rui ro. |
| Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải | : Gọ i cho trung tâm chống độ c hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. |
| Tự bảo vệ của người sơ cứu | : Các nhân viên sơ cứu sẽ được trang bị thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp. |

4.2. Triệu chứng và tác động chính (nghiêm trọng và trì hoãn)

- | | |
|---|---------------------------------------|
| Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải | : Có thể gây kích ứng đường hô hấp. |
| Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da | : Có thể gây kích ứng |
| Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt | : Có thể gây kích ứng |
| Triệu chứng/tác dụng sau khi nuốt phải | : Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa. |

4.3. Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

Điều trị theo triệu chứng.

MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

5.1. Biện pháp dập lửa thích hợp

- | | |
|--------------------------|--|
| Chất chữa cháy thích hợp | : Nước phun. Bột khô. Bột. Khí carbon dioxide. |
|--------------------------|--|

5.2. Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất

- | | |
|--|-------------------------------|
| Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn | : Có thể giải phóng khói độc. |
|--|-------------------------------|

5.3. Biện pháp bảo vệ đặc biệt đối với nhân viên cứu hỏa

- | | |
|----------------------------------|---|
| Biện pháp bảo hộ khi có hỏa hoạn | : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Thiết bị thở độc lập
Bộ quần áo bảo hộ đầy đủ. |
|----------------------------------|---|

MỤC 6: Biện pháp cần áp dụng trong trường hợp có vương đổ

6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

- | | |
|-------------------|---|
| Thiết bị bảo hộ | : Mang thiết bị bảo hộ cá nhân được khuyến cáo. |
| Biện pháp cấp cứu | : Thông gió khu vực có sản phẩm vương đổ. |

6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

- | | |
|-----------------|---|
| Thiết bị bảo hộ | : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân". |
|-----------------|---|

6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Tránh thải ra môi trường.

6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

- | | |
|--------------------|---|
| Quy trình làm sạch | : Thu hồi chất lỏng bị đổ bằng các chất thấm hút. |
| Các thông tin khác | : Tiêu hủy các vật liệu hoặc cặn rắn tại cơ sở được cấp phép. |

MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

7.1. Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

- | | |
|--|---|
| Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn | : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân. |
|--|---|

Tristel Sporicidal Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

Biện pháp vệ sinh : Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên. Rửa tay sau mỗi lần thao tác.

7.2. Điều kiện cần để đảm bảo an toàn lưu trữ, bao gồm cả khả năng không tương hợp

Điều kiện lưu trữ : Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Bảo quản lạnh.
Nhiệt độ lưu trữ : 10 – 35 °C

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1. các thông số kiểm soát

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.2. Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.
Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường : Tránh thải ra môi trường.

8.3. Biện pháp bảo hộ cá nhân/Thiết bị bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ - lựa chọn vật liệu :
Bảo vệ tay : Tránh tiếp xúc với da.
Bảo vệ mắt : Tránh để dính vào mắt.
Bảo vệ da và cơ thể :
Bảo vệ đường hô hấp : Đảm bảo khu vực này được thông gió đầy đủ trong quá trình sử dụng.

8.4. Giới hạn phơi nhiễm của các thành phần khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 9: đặc tính lý, hóa của hóa chất

9.1. Tính chất lý hóa cơ bản

Trạng thái vật lý : Chất lỏng
Hình dạng : Khăn lau tẩm chất
Màu sắc : màu trắng
Mùi đặc trưng : Không có
Ngưỡng ngửi : Không có
Điểm nóng chảy : Không áp dụng được
Điểm đông đặc : Không có
Điểm sôi : Không có
Tính dễ bắt lửa : Không bắt lửa
Giới hạn nổ dưới : Không có
Giới hạn nổ trên : Không có
Điểm cháy : Không có
Nhiệt độ tự cháy : Không có
Nhiệt độ phân hủy : Không có
pH : Không có
dung dịch pH : Không có
Độ nhớt, độ ngậm c (calculated value) (40 °C) : Không có
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Kow) : Không có
Áp suất hóa hơi : Không có
Áp suất hơi ở 50°C : Không có
Mật độ : Không có
Mật độ tương đối : Không có
Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C : Không có
Độ hòa tan : Không có
Kích thước hạt : Không áp dụng được

Tristel Sporicidal Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

9.2. Dữ liệu liên quan đến các nhóm nguy hại về mặt vật lý (bổ sung)

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 10: mức ổn định và phản ứng của hóa chất

10.1. Phản ứng

Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường.

10.2. Tính ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

10.3. Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm

Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.

10.4. Điều kiện cần tránh

Không có trong điều kiện kho trữ và thao tác khuyến cáo (xem mục 7).

10.5. Chất không tương hợp

Hiện chưa có thông tin bổ sung

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Không bất cứ sản phẩm phân hủy mang tính chất nguy hiểm nào được bảo quản hoặc sử dụng trong điều kiện thường.

MỤC 11: Thông tin về độ độc

11.1. Thông tin về các tác dụng gây độc

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	: Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua da)	: Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp)	: Không phân loại
Ăn mòn da/kích ứng da	: Không phân loại
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	: Không phân loại
Kích ứng hô hấp và da	: Không phân loại
Tính gây đột biến trên các tế bào mầm	: Không phân loại
Khả năng gây ung thư	: Không phân loại
Mức độc tính trên khả năng sinh sản	: Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần)	: Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại)	: Không phân loại
Nguy cơ khi hít phải	: Không phân loại

MỤC 12: Thông tin sinh thái

12.1. Độ độc tính

Sinh thái - tổng quát	: Chất trên được xem như không có hại cho các sinh vật thủy sinh và không gây tác dụng tiêu cực về lâu dài cho môi trường.
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp)	: Không phân loại
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn)	: Không phân loại

12.2. tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Tristel Sporicidal Wipe

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không phân hủy nhanh
--	----------------------

Tristel Sporicidal Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

Tristel Sporicidal Wipe		
Khả năng tích lũy sinh học	Hiện chưa có thông tin bổ sung	

12.4. Tính lưu động dưới đất

Tristel Sporicidal Wipe		
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung	

12.5. Các tác dụng có hại khác

Ozon	: Không phân loại
Các tác dụng có hại khác	: Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 13: Được xem như dành cho cho xử lý phân hủy

13.1. Quy trình tiêu hủy

Quy định vùng về chất thải	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Phương pháp xử lý chất thải	: Tiêu hủy sản phẩm/bình chứa theo đúng hướng dẫn phân loại của bên xử lý được công nhận.
Khuyến cáo cho việc xử lý nước thải	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Thông tin bổ sung	: Không sử dụng lại các bình chứa rỗng.

MỤC 14: Thông tin việc vận chuyển

Phù hợp với UN RTDG / IMDG / IATA

UN RTDG	IMDG	IATA
14.1. Số hiệu UN		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.2. Tên mã UN		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.3. Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.4. Phân nhóm đóng gói		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.5. Nguy cơ môi trường		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
Không có thông tin bổ sung		

14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

UN RTDG
Không áp dụng được

IMDG
Không áp dụng được

IATA
Không áp dụng được

14.7. Vận chuyển xô theo các văn kiện của IMO (Tổ chức Hàng hải Quốc tế)

Không áp dụng được

Tristel Sporicidal Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

MỤC 15: Thông tin hợp pháp

15.1. Quy định/pháp chế chuyên biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với các chất hay hỗn hợp chất

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 16: Các thông tin khác

Ngày phát hành : 14/05/2026

Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), UN (Liên Hợp Quốc)

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kì đảm bảo nào cho bất kì đặc tính nào của sản phẩm.



Tristel Sporidical Wipe Activated

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Ngày phát hành: 14/05/2026 Phiên bản: 1.0

MỤC 1: Định dạng

1.1. Thông tin nhận dạng sản phẩm theo GHS

Hình thức sản phẩm : Hỗn hợp
Tên sản phẩm : Tristel Sporidical Wipe Activated

1.2. Các phương tiện xác nhận khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

1.3. Sử dụng được khuyến nghị hóa chất và các hạn chế khi sử dụng

Khuyến cáo sử dụng : Chất khử trùng
Hạn chế sử dụng : Khác

1.4. thông tin nhà cung cấp

Nhà sản xuất

Tristel Solutions Limited
Unit 1B Lynx Business Park
Fordham Road, Snailwell
Cambridgeshire
CB8 7NY
United Kingdom
T +44 (0) 1638 721500

1.5. Số gọi trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp : Trung tâm Kiểm soát Độc chất – Bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội) Điện thoại: +84 869 587 705

MỤC 2: nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại chất hay hỗn hợp chất

Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc

Không phân loại
Tác dụng hóa lý có hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường : Theo hiểu biết của chúng tôi, sản phẩm trên không gây nguy cơ nào đặc biệt, với điều kiện được sử dụng theo các quy tắc chung về an toàn công nghiệp

2.2. Yếu tố dán nhãn GHS, bao gồm các khuyến nghị cảnh giác

Dán nhãn theo GHS Liên Hiệp Quốc

Không ghi nhãn

2.3. Nguy cơ khác không dẫn đến việc phải phân loại

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 3: Thành phần/thông tin về thành phần

3.1. Chất

Không áp dụng được

Tristel Sporidical Wipe Activated

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

3.2. Hỗn hợp

Tên	Nhận dạng sản phẩm	%	Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc
điôxít clo ... %	Số CAS: 10049-04-4	< 1	Acute Tox. 3 (Oral), H301 Skin Corr. 1B, H314 Aquatic Acute 1, H400

Văn bản các câu H: tham khảo mục 16

MỤC 4: Sơ cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

- Sơ cứu tổng quát
- Sơ cứu trong trường hợp hít phải
- Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da
- Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt
- Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải
- Tự bảo vệ của người sơ cứu
- : Nếu bạn cảm thấy không khỏe, hãy đi khám bác sĩ.
- : Đưa người liên quan ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế dễ thở.
- : Rửa da lại với nhiều nước.
- : Rửa mắt với nước nhà m phòng tranh mọ i rủi ro.
- : Gọ i cho trung tâm chống độ c hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
- : Các nhân viên sơ cứu sẽ được trang bị thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

4.2. Triệu chứng và tác động chính (nghiêm trọng và trì hoãn)

- Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải
- Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da
- Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt
- Triệu chứng/tác dụng sau khi nuốt phải
- : Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
- : Có thể gây kích ứng nhẹ.
- : Có thể gây kích ứng nhẹ.
- : Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa.

4.3. Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

Điều trị theo triệu chứng.

MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

5.1. Biện pháp dập lửa thích hợp

- Chất chữa cháy thích hợp
- : Nước phun. Bột khô. Bột. Khí carbon dioxide.

5.2. Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất

- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn
- : Có thể giải phóng khói độc.

5.3. Biện pháp bảo vệ đặc biệt đối với nhân viên cứu hỏa

- Biện pháp bảo hộ khi có hỏa hoạn
- : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Thiết bị thở độc lative
Bộ quần áo bảo hộ đầy đủ.

MỤC 6: Biện pháp cần áp dụng trong trường hợp có vương đổ

6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

- Biện pháp cấp cứu
- : Thông gió khu vực có sản phẩm vương đổ.

6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

- Thiết bị bảo hộ
- : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".

6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Tránh thải ra môi trường.

Tristel Sporidical Wipe Activated

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

Các thông tin khác : Tiêu hủy các vật liệu hoặc cặn rắn tại cơ sở được cấp phép.

MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

7.1. Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.
Biện pháp vệ sinh : Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên. Rửa tay sau mỗi lần thao tác.

7.2. Điều kiện cần để đảm bảo an toàn lưu trữ, bao gồm cả khả năng không tương hợp

Điều kiện lưu trữ : Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Bảo quản lạnh.

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1. các thông số kiểm soát

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.2. Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.
Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường : Tránh thải ra môi trường.

8.3. Biện pháp bảo hộ cá nhân/Thiết bị bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ - lựa chọn vật liệu :
Bảo vệ tay : Tránh tiếp xúc với da.
Bảo vệ mắt : Tránh để dính vào mắt.
Bảo vệ da và cơ thể :
Bảo vệ đường hô hấp : Đảm bảo khu vực này được thông gió đầy đủ trong quá trình sử dụng.

8.4. Giới hạn phơi nhiễm của các thành phần khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 9: đặc tính lý, hóa của hóa chất

9.1. Tính chất lý hóa cơ bản

Trạng thái vật lý : Chất lỏng
Hình dạng : Khăn lau tẩm chất
Màu sắc : màu trắng
Mùi đặc trưng : đặc điểm.
Ngưỡng mùi : Không có
Điểm nóng chảy : Không áp dụng được
Điểm đông đặc : Không có
Điểm sôi : Không có
Tính dễ bắt lửa : Không bắt lửa
Giới hạn nổ dưới : Không có
Giới hạn nổ trên : Không có
Điểm cháy : Không có
Nhiệt độ tự cháy : Không có
Nhiệt độ phân hủy : Không có
pH : Không có
dung dịch pH : Không có
Độ nhớt, động học (calculated value) (40 °C) : Không có
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Kow) : Không có
Áp suất hóa hơi : Không có

Tristel Sporidical Wipe Activated

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

Áp suất hơi ở 50°C	: Không có
Mật độ	: Không có
Mật độ tương đối	: Không có
Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C	: Không có
Độ hòa tan	: Không có
Kích thước hạt	: Không áp dụng được

9.2. Dữ liệu liên quan đến các nhóm nguy hại về mặt vật lý (bổ sung)

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 10: mức ổn định và phản ứng của hóa chất

10.1. Phản ứng

Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường.

10.2. Tính ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

10.3. Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm

Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.

10.4. Điều kiện cần tránh

Không có trong điều kiện kho trữ và thao tác khuyến cáo (xem mục 7).

10.5. Chất không tương hợp

Hiện chưa có thông tin bổ sung

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Không bất cứ sản phẩm phân hủy mang tính chất nguy hiểm nào được bảo quản hoặc sử dụng trong điều kiện thường.

MỤC 11: Thông tin về độ độc

11.1. Thông tin về các tác dụng gây độc

Độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	: Không phân loại
Độc cấp tính (qua da)	: Không phân loại
Độc cấp tính (qua đường hô hấp)	: Không phân loại

đioxít clo ... % (10049-04-4)	
LD50 qua tiêu hóa chuột	93,86 mg/kg thể trọng Loài động vật: chuột, Hướng dẫn số 401 của OECD (Độc tính cấp tính qua đường uống), Phương pháp B.1 của EU (Độc tính cấp tính (qua đường uống)), Ghi chú về kết quả: khác:, Khoảng tin cậy 95%: 45,52 - 193,53
LC50 Hít - Chuột (Hơi)	0,041 mg/l Nguồn: ECHA

Ấn mồn da/kích ứng da	: Không phân loại
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	: Không phân loại
Kích ứng hô hấp và da	: Không phân loại
Tính gây đột biến trên các tế bào mầm	: Không phân loại
Khả năng gây ung thư	: Không phân loại
Mức độc tính trên khả năng sinh sản	: Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần)	: Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại)	: Không phân loại
Nguy cơ khi hít phải	: Không phân loại

Tristel Sporicidal Wipe Activated

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

MỤC 12: Thông tin sinh thái

12.1. Độ độc tính

Sinh thái - tổng quát	: Chất trên được xem như không có hại cho các sinh vật thủy sinh và không gây tác dụng tiêu cực về lâu dài cho môi trường.
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp)	: Không phân loại
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn)	: Không phân loại

đioxít clo ... % (10049-04-4)	
LC50 - Cá [1]	75 mg/l Các sinh vật thí nghiệm (loài): Cyprinodon variegatus
LC50 - Cá [2]	0,021 mg/l Các sinh vật thí nghiệm (loài): Danio rerio (tên cũ: Brachydanio rerio)
EC50 - Giáp xác [1]	0,063 mg/l Các sinh vật thí nghiệm (loài): Daphnia magna
EC50 72h - Tảo [1]	1096 mg/l Các sinh vật thí nghiệm (loài): Pseudokirchneriella subcapitata (tên cũ: Raphidocelis subcapitata, Selenastrum capricornutum)
EC50 72h - Tảo [2]	0,324 mg/l Các sinh vật thí nghiệm (loài): Pseudokirchneriella subcapitata (tên cũ: Raphidocelis subcapitata, Selenastrum capricornutum)
NOEC (kinh niên)	≥ 500 mg/l Các sinh vật thí nghiệm (loài): Daphnia magna thời gian: '21 d'
NOEC mạn tính cá	≥ 500 mg/l Các sinh vật thí nghiệm (loài): Danio rerio (tên cũ: Brachydanio rerio) thời gian: '36 d'

12.2. tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Tristel Sporicidal Wipe Activated	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không phân hủy nhanh
đioxít clo ... % (10049-04-4)	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không thực hiện.

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

Tristel Sporicidal Wipe Activated	
Khả năng tích lũy sinh học	Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.4. Tính lưu động dưới đất

Tristel Sporicidal Wipe Activated	
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.5. Các tác dụng có hại khác

Ozon	: Không phân loại
Các tác dụng có hại khác	: Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 13: Được xem như dành cho cho xử lý phân hủy

13.1. Quy trình tiêu hủy

Quy định vùng về chất thải	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Phương pháp xử lý chất thải	: Tiêu hủy sản phẩm/bình chứa theo đúng hướng dẫn phân loại của bên xử lý được công nhận.
Khuyến cáo cho việc xử lý nước thải	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Thông tin bổ sung	: Không sử dụng lại các bình chứa rỗng.

Tristel Sporidical Wipe Activated

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

MỤC 14: Thông tin việc vận chuyển

Phù hợp với UN RTDG / IMDG / IATA

UN RTDG	IMDG	IATA
14.1. Số hiệu UN		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.2. Tên mã UN		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.3. Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.4. Phân nhóm đóng gói		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.5. Nguy cơ môi trường		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
Không có thông tin bổ sung		

14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

UN RTDG
Không áp dụng được

IMDG
Không áp dụng được

IATA
Không áp dụng được

14.7. Vận chuyển xô theo các văn kiện của IMO (Tổ chức Hàng hải Quốc tế)

Không áp dụng được

MỤC 15: Thông tin hợp pháp

15.1. Quy định/pháp chế chuyên biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với các chất hay hỗn hợp chất

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 16: Các thông tin khác

Ngày phát hành : 14/05/2026

Bản đầy đủ của các câu H:	
Acute Tox. 3 (Oral)	Độc tính cấp tính (miệng), Nhóm 3
Aquatic Acute 1	Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm cấp tính, Nhóm 1
Skin Corr. 1B	Ăn mòn/kích ứng da, Nhóm 1B
H301	Gây độc nếu nuốt phải
H314	Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng
H400	Gây độc mạnh cho các sinh vật thủy sinh

Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), UN (Liên Hợp Quốc)

Tristel Sporicidal Wipe Activated

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kì đảm bảo nào cho bất kì đặc tính nào của sản phẩm.

MỤC 1: Định dạng

1.1. Thông tin nhận dạng sản phẩm theo GHS

Hình thức sản phẩm : Hỗn hợp
Tên sản phẩm : Tristel Rinse Wipe

1.2. Các phương tiện xác nhận khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

1.3. Sử dụng được khuyến nghị hóa chất và các hạn chế khi sử dụng

Hạn chế sử dụng : Khác

1.4. thông tin nhà cung cấp

Nhà sản xuất

Tristel Solutions Limited
Unit 1B Lynx Business Park
Fordham Road, Snailwell
Cambridgeshire
CB8 7NY
United Kingdom
T +44 (0) 1638 721500
SDS@tristel.com

1.5. Số gọi trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp : Trung tâm Kiểm soát Độc chất – Bệnh viện Bạch Mai (Hà Nội) Điện thoại: +84 869 587 705

MỤC 2: nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại chất hay hỗn hợp chất

Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc

Không phân loại
Tác dụng hóa lý có hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường : Theo hiểu biết của chúng tôi, sản phẩm trên không gây nguy cơ nào đặc biệt, với điều kiện được sử dụng theo các quy tắc chung về an toàn công nghiệp

2.2. Yếu tố dán nhãn GHS, bao gồm các khuyến nghị cảnh giác

Dán nhãn theo GHS Liên Hiệp Quốc

Không ghi nhãn

2.3. Nguy cơ khác không dẫn đến việc phải phân loại

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 3: Thành phần/thông tin về thành phần

3.1. Chất

Không áp dụng được

3.2. Hỗn hợp

Hỗn hợp này không chứa bất cứ chất nào cần được nhắc tới theo các quy định hiện hành

Tristel Rinse Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

MỤC 4: Sơ cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sơ cứu tổng quát	: If you feel unwell, seek medical advice.
Sơ cứu trong trường hợp hít phải	: Đưa người liên quan ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế dễ thở.
Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da	: Rửa da lại với nhiều nước.
Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt	: Rửa mắt với nước nhằm phòng tránh mọi rủi ro.
Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải	: Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
Tự bảo vệ của người sơ cứu	: Tránh mọi việc phơi nhiễm không cần thiết.

4.2. Triệu chứng và tác động chính (nghiêm trọng và trì hoãn)

Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải	: Không có nếu được sử dụng tại điều kiện thông thường.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da	: Có thể gây kích ứng nhẹ.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt	: Có thể gây kích ứng nhẹ.
Triệu chứng/tác dụng sau khi nuốt phải	: Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa.

4.3. Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

Điều trị theo triệu chứng.

MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

5.1. Biện pháp dập lửa thích hợp

Chất chữa cháy thích hợp	: Nước phun. Bột khô. Bột. Khí carbon dioxide.
Tác nhân tiêu hủy không tương ứng	: Không sử dụng dòng nước mạnh.

5.2. Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất

Nguy cơ hỏa hoạn	: Không có nguy cơ gây cháy.
Nguy cơ nổ	: Không có nguy cơ nổ trực tiếp.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn	: Có thể giải phóng khói độc.

5.3. Biện pháp bảo vệ đặc biệt đối với nhân viên cứu hỏa

Hướng dẫn cứu hỏa	: Dập lửa ở khoảng cách an toàn tại vị trí đảm bảo. Không đi vào khu vực có lửa mà không trang bị bảo hộ, bao gồm cả thiết bị bảo vệ đường hô hấp.
Biện pháp bảo hộ khi có hỏa hoạn	: Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Thiết bị thở độc lập. Complete protective clothing.

MỤC 6: Biện pháp cần áp dụng trong trường hợp có vương đổ

6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

Biện pháp chung	: Chặn ngay việc rò rỉ nếu có thể làm một cách an toàn. Thẩm mọi chất bị vương đổ nhằm tránh sự cố gây hư hại vật chất.
-----------------	---

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

Biện pháp cấp cứu	: Thông gió khu vực có sản phẩm vương đổ.
-------------------	---

6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

Thiết bị bảo hộ	: Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".
Biện pháp cấp cứu	: Cho những nhân viên không cần thiết ra ngoài. Chặn ngay việc rò rỉ nếu có thể làm một cách an toàn.

6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Sản phẩm này được coi là không gây hại cho các sinh vật thủy sinh và không gây ra bất kỳ tác động tiêu cực lâu dài nào đối với môi.

6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

Dùng để chứa	: Dùng cát hoặc đất để thấm hút chất lỏng bị đổ ra. Ngăn việc rò rỉ một cách an toàn nhất nếu có thể.
Quy trình làm sạch	: Thu hồi chất lỏng bị đổ bằng các chất thấm hút.

Tristel Rinse Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

Các thông tin khác : Tiêu hủy các vật liệu hoặc cặn rắn tại cơ sở được cấp phép.

MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

7.1. Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.
Biện pháp vệ sinh : Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên. Rửa tay sau mỗi lần thao tác.
Nguy cơ phụ trong quá trình xử lý : Không được xem như nguy hiểm trong điều kiện sử dụng thường.

7.2. Điều kiện cần để đảm bảo an toàn lưu trữ, bao gồm cả khả năng không tương hợp

Biện pháp kỹ thuật : Bảo quản tại nơi khô, thoáng và tránh khỏi nguồn nhiệt.
Điều kiện lưu trữ : Kho trữ tại nơi có thông gió tốt.
Vật liệu đóng gói : Luôn bảo quản sản phẩm trong bao bì cùng chất với bao bì gốc.
Nhiệt độ lưu trữ : 10 – 35 °C

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1. các thông số kiểm soát

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.2. Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.
Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường : Tránh thải ra môi trường.

8.3. Biện pháp bảo hộ cá nhân/Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay : Tránh tiếp xúc với da.
Bảo vệ mắt : Tránh để dính vào mắt.
Bảo vệ đường hô hấp : Đảm bảo khu vực này được thông gió đầy đủ trong quá trình sử dụng.

8.4. Giới hạn phơi nhiễm của các thành phần khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 9: đặc tính lý, hóa của hóa chất

9.1. Tính chất lý hóa cơ bản

Trạng thái vật lý : Chất lỏng
Hình dạng : Khăn lau tẩm chất
Màu sắc : trắng.
Mùi đặc trưng : Không có
Ngưỡng mùi : Không có
Điểm nóng chảy : Không áp dụng được
Điểm đông đặc : Không có
Điểm sôi : Không có
Tính dễ bắt lửa : Không bắt lửa
Giới hạn nổ dưới : Không có
Giới hạn nổ trên : Không có
Điểm cháy : Không có
Nhiệt độ tự cháy : Không có
Nhiệt độ phân hủy : Không có
pH : Không có
dung dịch pH : Không có
Độ nhớt, động học (calculated value) (40 °C) : Không có
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Kow) : Không có
Áp suất hóa hơi : Không có
Áp suất hơi ở 50°C : Không có
Mật độ : Không có

Tristel Rinse Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

Mật độ tương đối	: Không có
Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C	: Không có
Độ hòa tan	: Không có
Particle size	: Không áp dụng được

9.2. Dữ liệu liên quan đến các nhóm nguy hại về mặt vật lý (bổ sung)

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 10: mức ổn định và phản ứng của hóa chất

10.1. Phản ứng

Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường.

10.2. Tính ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

10.3. Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm

Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.

10.4. Điều kiện cần tránh

Không có trong điều kiện kho trữ và thao tác khuyến cáo (xem mục 7).

10.5. Chất không tương hợp

Hiện chưa có thông tin bổ sung

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Không bắt cứ sản phẩm phân hủy mang tính chất nguy hiểm nào được bảo quản hoặc sử dụng trong điều kiện thường.

MỤC 11: Thông tin về độ độc

11.1. Thông tin về các tác dụng gây độc

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	: Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua da)	: Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp)	: Không phân loại
Ăn mòn da/kích ứng da	: Không phân loại
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	: Không phân loại
Kích ứng hô hấp và da	: Không phân loại
Tính gây đột biến trên các tế bào mầm	: Không phân loại
Khả năng gây ung thư	: Không phân loại
Mức độc tính trên khả năng sinh sản	: Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần)	: Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại)	: Không phân loại
Nguy cơ khi hít phải	: Không phân loại

MỤC 12: Thông tin sinh thái

12.1. Độ độc tính

Sinh thái - tổng quát	: Chất trên được xem như không có hại cho các sinh vật thủy sinh và không gây tác dụng tiêu cực về lâu dài cho môi trường.
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp)	: Không phân loại
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn)	: Không phân loại

Tristel Rinse Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

12.2. tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Tristel Rinse Wipe		
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không phân hủy nhanh	

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

Tristel Rinse Wipe		
Khả năng tích lũy sinh học	Hiện chưa có thông tin bổ sung	

12.4. Tính lưu động dưới đất

Tristel Rinse Wipe		
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung	

12.5. Các tác dụng có hại khác

- Ozon
- Các tác dụng có hại khác
- : Không phân loại
- : Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 13: Được xem như dành cho cho xử lý phân hủy

13.1. Quy trình tiêu hủy

- Quy định vùng về chất thải
- Phương pháp xử lý chất thải
- Khuyến cáo cho việc xử lý nước thải
- Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì
- Thông tin bổ sung
- : Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
- : Tiêu hủy sản phẩm/bình chứa theo đúng hướng dẫn phân loại của bên xử lý được công nhận.
- : Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
- : Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
- : Không sử dụng lại các bình chứa rỗng.

MỤC 14: Thông tin việc vận chuyển

Phù hợp với UN RTDG / IMDG / IATA

UN RTDG	IMDG	IATA
14.1. Số hiệu UN		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.2. Tên mã UN		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.3. Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.4. Phân nhóm đóng gói		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.5. Nguy cơ môi trường		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
Không có thông tin bổ sung		

14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

- UN RTDG
- Không áp dụng được
- IMDG
- Không áp dụng được

Tristel Rinse Wipe

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

IATA

Không áp dụng được

14.7. Vận chuyển xô theo các văn kiện của IMO (Tổ chức Hàng hải Quốc tế)

Không áp dụng được

MỤC 15: Thông tin hợp pháp

15.1. Quy định/pháp chế chuyên biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với các chất hay hỗn hợp chất

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 16: Các thông tin khác

Ngày phát hành : 14/05/2026

Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), UN (Liên Hợp Quốc)

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kì đảm bảo nào cho bất kì đặc tính nào của sản phẩm.